

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 99/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hội An, ngày 01 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị V, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Ông Lương Quang M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn bà Trần Thị V với bị đơn ông Lương Quang M.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị V và bị đơn ông Lương Quang M thống nhất thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Thị Hoàng N, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2000 và Lương Trần Hoàng Ng, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2014. Lương Thị Hoàng N đã trưởng thành. Sau khi ly hôn bà Trần Thị V trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Lương Trần Hoàng Ng , ông Lương Quang M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2021 đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân. Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ – ST là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) và án phí DS-ST cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Trần Thị V tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007006 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Bà Trần Thị V đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường C.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn